

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC KẠN
TỈNH BẮC KẠN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2023/DS-ST
Ngày: 15 - 8 - 2023
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC KẠN, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hứa Đình Hiền.

2. Ông Đỗ Trung Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thoan – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Thảo và bà Hoàng Thị Minh Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 38/2023/TLST-DS ngày 03 tháng 02 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2023/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2023/QĐST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt nam; Địa chỉ: Số 194 Trần Quang Khải, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. Người được ủy quyền: ông Phạm Quốc T; Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng - Chi nhánh Bắc Kạn. Người đại diện theo ủy quyền: ông Lưu Mạnh D, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng - Chi nhánh Bắc Kạn. (Có mặt)

*** Bị đơn:** Ông Trần Văn H, sinh năm 1981; bà X, sinh năm 1979; Địa chỉ: Tổ 21 (nay là tổ 11), phường Y, quận C, thành phố Hà Nội. (Vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:**

Trên cơ sở đơn đề nghị vay vốn của ông Trần Văn H và bà X, Ngân hàng - Chi nhánh Bắc Kạn (sau đây viết, gọi tắt là BIDV Bắc Kạn) đã ký kết các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng số: 01/2016/9287456/HĐTD ngày 15/12/2016, với số tiền là

1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng*); Thời hạn vay: 60 tháng; Lãi suất cho vay trong hạn: 8,2%/năm cố định trong 12 tháng đầu tiên, sau đó được điều chỉnh 6 tháng/lần theo nguyên tắc: Lãi suất cho vay = Lãi suất tiết kiệm trả sau kỳ hạn 12 tháng + 5%; lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn.

- Hợp đồng số: 02/2017/9287456/HĐTD ngày 30/11/2017, với số tiền là 2.000.000.000 đồng (*Hai tỷ đồng*); Thời hạn vay: 60 tháng; Lãi suất cho vay trong hạn: 8,2%/năm cố định trong 12 tháng đầu tiên, sau đó được điều chỉnh 6 tháng/lần theo nguyên tắc: Lãi suất cho vay = Lãi suất tiết kiệm trả sau kỳ hạn 24 tháng + 4%; lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn.

- Hợp đồng số: 01/2018/9287456/HĐTD ngày 14/11/2018, với số tiền là 650.000.000 đồng (*Sáu trăm năm mươi triệu đồng*); Thời hạn vay: 120 tháng; Lãi suất cho vay trong hạn: 11,0%/năm áp dụng tới ngày 31/12/2018, sau đó được điều chỉnh 6 tháng/lần theo nguyên tắc: Lãi suất cho vay = Lãi suất tiết kiệm trả sau kỳ hạn 24 tháng + 4,6%; lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn.

Ông Trần Văn H và bà X đã nhận đầy đủ tiền vay theo các hợp đồng tín dụng nói trên.

* Biện pháp bảo đảm: Nghĩa vụ của các hợp đồng tín dụng này được bảo đảm bằng hợp đồng thế chấp giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thôn V, xã L, huyện Đ, TP Hà Nội; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: BO 244774 do UBND huyện Đ, TP Hà Nội 03/6/2013, của ông Trần Văn H và bà X (được xác nhận ngày 19/10/2016 tại trang 3 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 01/2016/9287456/HĐBĐ ngày 17/12/2016 ký giữa ông Trần Văn H, bà X và BIDV Bắc Kạn. Hợp đồng thế chấp được công chứng và đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Hà Nội, chi nhánh huyện Đ theo quy định của pháp luật.

Đến kỳ hạn trả nợ, ông Trần Văn H và bà X không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, mặc dù Ngân hàng đã rất nhiều lần làm việc, thông báo và yêu cầu ông Trần Văn H và bà X trả nợ gốc, lãi NH vẫn không trả, đã có tình vi phạm hợp đồng đã ký kết.

Do ông Trần Văn H, bà X không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi vay cho Ngân hàng, vì vậy khoản nợ đã quá hạn.

* Về tổng số tiền nợ gốc đã trả: 2.800.000.000 đồng (Hai tỷ, tám trăm triệu đồng), cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số: 01/2016/9287456/HĐTD ngày 15/12/2016, đã trả 300.000.000 đồng (Nợ gốc còn 700.000.000 đồng).

- Hợp đồng tín dụng số: 02/2017/9287456/HĐTD ngày 30/11/2017, đã trả 2.000.000.000 đồng (hết nợ gốc)

- Hợp đồng tín dụng số: 01/2018/9287456/HĐTD ngày 14/11/2018, đã trả: 500.000.000 đồng (Nợ gốc còn 150.000.000 đồng)

Tính đến ngày 15/8/2023, ông Trần Văn H và bà X còn nợ BIDV Bắc Kạn với Tổng số tiền là: **2.881.884.712 đồng** (*Bằng chữ: Hai tỷ, tám trăm tám mươi một triệu, tám trăm tám mươi tư nghìn, bảy trăm mười hai đồng*). Trong đó: Nợ gốc là 850.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn là: 1.730.044.825 đồng; Nợ lãi quá hạn: 301.839.887 đồng. Cụ thể: + Hợp đồng tín dụng số 01/2016/9287456/HĐTD ngày 15/12/2016 tính đến ngày 15/8/2023: Dư nợ gốc là: 700.000.000 đồng; Tổng số tiền nợ lãi là: 646.859.166 đồng gồm: Nợ lãi trong hạn: 528.472.222 đồng, nợ lãi quá hạn: 118.386.944 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng số 02/2017/9287456/HĐTD ngày 30/11/2017: Dư nợ gốc: 0 đồng; Tổng số tiền nợ lãi: 1.071.161.642 đồng. Trong đó: Nợ lãi trong hạn là 910.931.507 đồng, nợ lãi quá hạn là 160.230.135 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng số 01/2018/9287456/HĐTD ngày 14/11/2018: Dư nợ gốc: 150.000.000 đồng; Tổng số tiền nợ lãi: 313.863.904 đồng. Trong đó: Nợ lãi trong hạn: 290.641.096 đồng, nợ lãi quá hạn: 23.222.808 đồng.

Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn: Buộc ông Trần Văn H, bà X phải trả toàn bộ số tiền còn nợ BIDV Bắc Kạn theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết, với tổng số tiền tính đến ngày 15/8/2023 là: **2.881.884.712 đồng** (*Bằng chữ: Hai tỷ, tám trăm tám mươi một triệu, tám trăm tám mươi tư nghìn, bảy trăm mười hai đồng*). Trong đó: Nợ gốc là 850.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn là: 1.730.044.825 đồng; Nợ lãi quá hạn: 301.839.887 đồng. Và các khoản lãi, lãi quá hạn cho đến khi ông Trần Văn H, bà X thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết với ngân hàng.

Trường hợp, ông Trần Văn H, bà X không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, thì đề nghị Tòa án tuyên phát mại tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp như đã nói ở trên để thu hồi nợ.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ thì Ngân hàng tự nguyện chịu.

*** Bị đơn: Ông Trần Văn H, bà X mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vẫn không có mặt, cũng không gửi ý kiến của mình cho Tòa án.**

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và phát biểu về quan điểm giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử: Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn chấp hành đúng yêu cầu quy định. Bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do là vi phạm khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 38, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 121, 122, 342, 355, 471, 474, 476, 478 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 116, 117, 119, 317, 318, 319, 463, 466, 468, của Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển, buộc ông Trần Văn H và bà X phải trả toàn bộ số tiền còn nợ BIDV Bắc Kạn theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết, với tổng số tiền tính đến ngày 15/8/2022 (ngày xét xử sơ thẩm) là 2.881.884.712 đồng (*Bằng chữ: Hai tỷ, tám trăm tám mươi một triệu, tám trăm tám mươi tư nghìn, bảy trăm mười hai đồng*). Trong đó: Nợ gốc: 850.000.000.000đ, Nợ lãi: 1.730.044.825đ, Nợ lãi quá hạn: 301.839.887đ và các khoản lãi, lãi quá hạn cho đến khi ông Trần Văn H và bà X thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng.

Trường hợp ông Trần Văn H và bà X không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì BIDV Bắc Kạn có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ, cụ thể:

Giá trị Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BO 244774 do UBND huyện Đông Anh, TP Hà Nội cấp ngày 03/6/2023 cho ông Trần Văn H và bà X (được xác nhận ngày 19/10/2016 tại trang 3 Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất). Địa chỉ thửa đất tại thôn Vĩng La, xã Vĩng La, huyện Đông Anh, TP. Hà Nội.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: - Về thẩm quyền giải quyết: Theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 38, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn vì: Tuy bị đơn không đăng ký hộ khẩu thường trú, tạm trú tại thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn nH trong các hợp đồng tín dụng và trong hợp đồng thế chấp thì giữa Ngân hàng và ông H bà Lan đã thỏa thuận lựa chọn Toà án nhân dân thành phố Bắc Kạn là nơi giải quyết nếu có tranh chấp xảy ra.

- Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án theo quy định, đã thông báo về việc tiến hành xem xét thẩm định đối với tài sản thế chấp, đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, gửi giấy triệu tập cho ông Trần Văn H, bà X theo địa chỉ cư trú nH không thấy ông H bà Lan có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án, ông H bà Lan cũng không đến Tòa án tham gia tố tụng. Tòa án đã nhiều lần đến địa chỉ cư trú của ông H bà Lan để giao Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nH không lần nào gặp được ông H bà Lan. Do đó Tòa án không thể thực hiện được việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho ông H bà Lan. Để đảm bảo quyền lợi cho đương sự theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo về việc tiến hành xem xét thẩm định đối với tài sản thế chấp, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa tại nơi ông H bà Lan đăng ký hộ khẩu thường trú, tại nơi có tài sản thế chấp và tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Bắc Kạn.

Xác minh tại Công an phường Y, quận C, thành phố Hà Nội, nơi ông H bà Lan đăng ký hộ khẩu thường trú, thì được Công an phường Y cung cấp: “Ông Trần

Văn H và bà X có hộ khẩu thường trú tại tổ 11 (trước đây là tổ 21) phường Y, quận C, thành phố Hà Nội. Tuy nhiên ông H bà Lan không sinh sống tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, chỉ thi thoảng có mặt. Thời điểm tháng 02/2023 (thời điểm Toà án thụ lý vụ án) thì ông H, bà Lan có mặt tại đây”.

Xác minh tại Công an xã Võng La, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội (nơi có tài sản thế chấp). Công an xã Võng La cung cấp: “Qua kiểm tra dữ liệu dân cư, ông Trần Văn H và bà X không có tên trên hệ thống đăng ký thường trú, tạm trú tại xã Võng La, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội”.

Như vậy, có thể xác định: Ông H bà Lan biết việc Ngân hàng khởi kiện nH có tình trốn tránh, che giấu địa chỉ.

Tại phiên toà hôm nay, mặc dù ông H, bà Lan đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nH vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngân hàng BIDV chi nhánh Bắc Kạn đã ký kết với ông Trần Văn H và bà X 03 hợp đồng tín dụng, gồm:

- Hợp đồng số: 01/2016/9287456/HĐTD ngày 15/12/2016, với số tiền là 1.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ đồng); Thời hạn vay: 60 tháng; Lãi suất cho vay trong hạn: 8,2%/năm cố định trong 12 tháng đầu tiên, sau đó được điều chỉnh 6 tháng/lần theo nguyên tắc: Lãi suất cho vay = Lãi suất tiết kiệm trả sau kỳ hạn 12 tháng + 5%; lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn.

- Hợp đồng số: 02/2017/9287456/HĐTD ngày 30/11/2017, với số tiền là 2.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ đồng); Thời hạn vay: 60 tháng; Lãi suất cho vay trong hạn: 8,2%/năm cố định trong 12 tháng đầu tiên, sau đó được điều chỉnh 6 tháng/lần theo nguyên tắc: Lãi suất cho vay = Lãi suất tiết kiệm trả sau kỳ hạn 24 tháng + 4%; lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn.

- Hợp đồng số: 01/2018/9287456/HĐTD ngày 14/11/2018, với số tiền là 650.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu trăm năm mươi triệu đồng); Thời hạn vay: 120 tháng; Lãi suất cho vay trong hạn: 11,0%/năm áp dụng tới ngày 31/12/2018, sau đó được điều chỉnh 6 tháng/lần theo nguyên tắc: Lãi suất cho vay = Lãi suất tiết kiệm trả sau kỳ hạn 24 tháng + 4,6%; lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Về hình thức, nội dung, chủ thể thì: Hợp đồng tín dụng số: 01/2016/9287456/HĐTD ngày 15/12/2016 đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật Dân sự 2005 về giao dịch dân sự, hợp đồng vay tài sản; Cả 02 hợp đồng tín dụng số: 02/2017/9287456/HĐTD ngày 30/11/2017, số: 01/2018/9287456/HĐTD ngày 14/11/2018 đều đảm bảo tuân thủ các quy định của Bộ luật Dân sự 2015 về giao dịch dân sự, hợp đồng vay tài sản.

Như vậy cả 03 hợp đồng này đều hợp pháp. Sau khi ký kết các hợp đồng này thì nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình, phía bị đơn (ông H bà Lan) đã nhận đủ số tiền như các hợp đồng tín dụng đã ký kết. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông H bà Lan đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không trả gốc, lãi đúng thời hạn. Nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu, đôn đốc bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ nH bị đơn vẫn không thực hiện nốt

nghĩa vụ trả nợ. Như vậy việc nguyên đơn khởi kiện bị đơn ra Toà án nhân dân thành phố Bắc Kạn, đề nghị Toà án buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ trong các Hợp đồng tín dụng đã ký kết là hoàn toàn có cơ sở.

Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với nội dung của các hợp đồng tín dụng đã ký kết, chứng từ giải ngân, sổ giao dịch tiền vay, Thông báo dư nợ gốc và lãi của khách hàng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Lãi suất do nguyên đơn yêu cầu phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, phù hợp quy định về áp dụng mức lãi suất của Ngân hàng Nhà nước tại thời điểm vay và quy định tại Điều 476 Bộ luật Dân sự 2005, khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015, do vậy cần chấp nhận.

[3] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Để đảm bảo cho các Hợp đồng tín dụng thì ngày 14/12/2016 nguyên đơn và bị đơn đã ký hợp đồng thế chấp với tài sản thế chấp là: Giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 37 (2), tờ bản đồ số 33; diện tích 93 m² ; mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn; địa chỉ thửa đất: Thôn V, xã L, huyện Đ, TP Hà Nội; đã được UBND huyện Đ, TP Hà Nội cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: BO 244774 ngày 03/6/2013, cho ông Trần Văn H và bà X (được xác nhận ngày 19/10/2016 tại trang 3 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Hợp đồng thế chấp này thể hiện ý chí của các bên, được công chứng và đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Hà Nội, chi nhánh huyện Đ theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy hợp đồng thế chấp này đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật Dân sự 2005 và Luật Đất đai 2013, vì vậy, hợp đồng này là hợp pháp.

Ngày 30/6/2023 Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp là thửa đất số 37 (2), tờ bản đồ số 33; diện tích 93 m² ; mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn; địa chỉ thửa đất: Thôn V, xã L, huyện Đ, TP Hà Nội; đã được UBND huyện Đông Anh, TP Hà Nội cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: BO 244774 ngày 03/6/2013, cho ông Trần Văn H và bà X (được xác nhận ngày 19/10/2016 tại trang 3 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Tại buổi xem xét thẩm định, đại diện Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ, cán bộ địa chính xã V cũng xác nhận thửa đất trên của ông H bà Lan có ranh giới rõ ràng, hiện không có tranh chấp. Như vậy, thửa đất này là tài sản hợp pháp của ông H bà Lan. Do vậy, yêu cầu của Ngân hàng về việc xử lý tài sản thế chấp là thửa đất nêu trên là có căn cứ.

[4] Về chi phí xem xét thẩm định: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định là 18.400.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn H, bà X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 26, 35, 38, 39, 147, 157, 158 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 121, 122, 342, 343, 344, 351, 355, 401, 402, 403, 404, 405, 471, 474, 476, 478 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 116, 117, 119, 298, 299, 303, 317, 318, 319, 323, 401, 463, 466, 468, 470, 500, 502 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 167 Luật Đất Đai 2013; Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngân hàng về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” với bị đơn: Ông Trần Văn H và bà X.

2. Buộc ông Trần văn H, bà X phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết là: Hợp đồng số: 01/2016/9287456/HĐTD ngày 15/12/2016; Hợp đồng số: 02/2017/9287456/HĐTD ngày 30/11/2017; Hợp đồng tín dụng số 01/2018/9287456/HĐTD ngày 14/11/2018 với tổng số tiền tính đến ngày 15/8/2023 là: **2.881.884.712 đồng** (*Bằng chữ: Hai tỷ, tám trăm tám mươi một triệu, tám trăm tám mươi tư nghìn, bảy trăm mười hai đồng*). Trong đó: Nợ gốc là 850.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn là: 1.730.044.825 đồng; Nợ lãi quá hạn: 301.839.887 đồng.

Ông Trần Văn H và bà X phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi kể từ ngày 16/8/2023 cho đến khi ông H và Lan trả hết nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng.

Trường hợp trong các hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Trần Văn H và bà X không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 01/2016/9287456/HĐĐBĐĐ ngày 14/12/2016 ký giữa Ngân hàng và ông Trần Văn H và bà X để thu hồi nợ. Cụ thể tài sản thế chấp là: Giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 37 (2), tờ bản đồ số 33; diện tích 93 m² ; mục đích sử dụng : Đất ở tại nông thôn; địa chỉ thửa đất: Thôn V, xã L, huyện Đ, TP Hà Nội; đã được UBND huyện Đ, TP Hà Nội cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: BO 244774 ngày 03/6/2013, cho ông Trần Văn H và bà X (được xác nhận ngày 19/10/2016 tại trang 3 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

3. Về chi phí tố tụng khác: Nguyên đơn: Ngân hàng tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 18.400.000 đồng (*Mười tám triệu bốn trăm nghìn đồng*). Xác nhận nguyên đơn đã nộp đủ chi phí xem xét thẩm định.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn H và bà X phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 89.637.600 đồng (*Tám mươi chín triệu sáu trăm ba mươi bảy nghìn sáu trăm đồng*).

Trả lại cho nguyên đơn: Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí là 40.855.000 đồng (*Bốn mươi triệu tám trăm năm mươi lăm nghìn đồng*) mà nguyên đơn đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002264 ngày 03/02/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.”

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Vắng mặt bị đơn Trần Văn H, X. Báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tp. Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- Chi cục THADS tp. Bắc Kạn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Hiền